TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Biên và bà Lại Thị Lan
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 19 ngày 07/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thùy L, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu B, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.
- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1966, địa chỉ: Khu B, phường P, thị xã K, Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/2/2024, các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã K ngày 04/3/2020, chị ở cùng nhà với bố mẹ chồng chị. Sau khi kết hôn 3 ngày vợ chồng đã mâu thuẫn, anh Đ đánh chị, lúc đó chị đang có thai. Chị về nhà đẻ ở một vài tháng rồi lại về đoàn tụ, vài tháng sau lại xảy ra mâu thuẫn. Sau đó, chị về nhà đẻ ở N và sinh con ở đó. Khi con chị được khoảng 3 tháng, anh Đ lên nhà đánh chị và bế con về nên chị phải theo về chung sống với anh Đ. Lúc đó, chị mới phát hiện anh Đ bị nghiện, hay tụ tập bạn bè sử dụng ma túy và đã phải đi cai nghiện. Thời gian sau đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Đ nhiều lần đánh chị. Không chịu đựng được, chị phải bỏ về và ở nhà ngoại từ năm 2021 đến nay. Nay chị xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 03/9/2020, hiện đang ở cùng chị. Khi cháu M mới sinh ra đã phải mổ thực quản và bị bệnh tim nên thỉnh thoảng phải đi khám và điều trị. Ngoài ra cháu còn bị tự kỷ đang phải học ở Trung tâm giáo dục đặc biệt tại Ninh Bình, học phí khoảng 6 triệu đồng/tháng. Hàng ngày chị phải chăm sóc, tập và giao tiếp với cháu để cháu mau khỏi bệnh. Sau khi ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi con đến khi con chung trưởng thành. Chị yêu cầu anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 6 triệu đồng/tháng, như trước đó anh Đ đã nói với chị, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2024 đến khi con chung trưởng thành. Chị đang làm nhân viên S, mức lương 05 triệu đồng/tháng. Bố chị mất sớm, hiện chị đang ở cùng nhà bà ngoại và mẹ đẻ chị, mẹ chị nhận thức không được như người bình thường mà là người thiểu năng, bà ngoại chị tạo điều kiện hỗ trợ cho mẹ con chị về chỗ ở cũng như chăm sóc cháu khi chị đi làm.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không đến làm việc, không có quan điểm giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn C là bố đẻ anh Đ trình bày: Ông là bố chồng của chị Đinh Thị Thùy L. Khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và các giấy tờ Tòa án giao cho anh Đ về việc chị L xin ly hôn anh Đ, ông đã gọi điện thoại thông báo cho anh Đ biết và anh Đ có nói *"Chị L xin ly hôn anh thì để chị L giải quyết một vế, anh Đ không về được vì điều kiện công việc anh đi làm nghề du lịch"*. Anh Đ và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P. Quá trình anh Đ và chị L chung sống có mâu thuẫn hay không thì ông không nắm được, chỉ biết hiện giờ chị L đã bỏ về nhà đẻ ở thôn T, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình sinh sống, không ở cùng anh Đ. Nay chị L xin ly hôn anh Đ, ông không muốn chị L, anh Đ chia tay, nhưng nếu chị L cố tình muốn ly hôn anh Đ thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Đ và chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 03/9/2020. Hiện nay cháu M đang ở cùng chị L. Ông, bà mong muốn anh Đ được nuôi cháu M. Còn trường hợp chị L được nuôi cháu M thì khi chị L đi lấy chồng hoặc đi nước ngoài thì đề nghị chị L gửi cháu về cho anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Đ hiện làm nghề du lịch, thường xuyên không có nhà, thỉnh thoảng về qua nhà rồi lại đi. Do vậy, tất cả các văn bản giấy tờ của Toà án gửi anh Đ, ông sẽ nhận hộ và cam kết giao tận tay cho anh Đ hoặc gọi điện thông báo cho anh Đ được biết. Do ông không muốn can thiệp sâu vào chuyện của chị L, anh Đ, nên ông xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Toà án cũng như tại phiên xét xử vụ án.

- Xác minh tại Công an phường P ngày 07/3/2024 được cung cấp: Theo tra cứu trên dữ liệu cư trú quốc gia, anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ khu B, phường P, thị xã K, Hải Dương (chưa đăng ký tạm trú ở nơi khác). Anh Đ bị đưa đi cai nghiện bắt buộc vào năm 2021, đã cai nghiện xong. Hiện anh Đ làm nghề du lịch, thỉnh thoảng về nhà.

- Xác minh tại Khu dân cư ngày 07/3/2024 - bà Trương Thị O – Phó trưởng khu cho biết: Anh Đ và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, có thời gian anh chị chung sống cùng nhà ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị L1 tại khu B, P là nhà bố mẹ đẻ anh Đ. Một thời gian sau, anh Đ phải đi cai nghiện bắt buộc, chị L hiện không chung sống cùng anh Đ. Sau khi anh Đ chấp hành xong việc cai nghiện bắt buộc, anh Đ đã đi làm du lịch, thường xuyên phải đi các nơi nên không mấy khi có nhà. Bà không nắm được giữa vợ chồng chị L, anh Đ có mâu thuẫn gì hay không vì không thấy anh chị đề nghị hòa giải về mâu thuẫn gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L cung cấp thêm các tài liệu có các nội dung:

- Thông báo biểu phí của V chi nhánh G, cháu Nguyễn Gia M, phải nộp phí: 4.520.000 đồng/tháng.

- Giấy xác nhận ngày 19/3/2024 của giám đốc chi nhánh G: Cháu Nguyễn Gia M hiện đang học can thiệp tại V - chi nhánh G là sự thật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn – chị L vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Đ, giải quyết việc nuôi con chung và yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, từ tháng 7/2024 đến khi con chung trưởng thành, mức cấp dưỡng 6 triệu đồng/tháng, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

- Bị đơn – anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Đinh Thị Thùy L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 03/9/2020 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị L, buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Đinh Thị Thùy L phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Anh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh Đ có nơi cư trú tại phường P, thị xã K nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh Đ có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh, biên bản lấy lời khai người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chị L và anh Đ xảy ra mâu thuẫn, đang sống ly thân, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ. Điều đó thể hiện anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19, 21 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L ly hôn anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao.

[4] *Về con chung:* Chị L, anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 03/9/2020, hiện đang ở cùng chị L, cháu M đang phải học ở Trung tâm giáo dục đặc biệt huyện G, tỉnh Ninh Bình. Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 6.000.000 đồng/tháng, từ tháng 7/2024 đến khi con chung trưởng thành. Xét thấy, chị L hiện đang làm việc tại tiệm Spa, mức thu nhập 5 triệu đồng/tháng. Chị và cháu M ở cùng nhà bà ngoại, được bà ngoại tạo điều kiện cho chỗ ở cũng như trông nom cháu M. Như vậy, thấy rằng chị L có đủ điều kiện để nuôi con. Anh Đ đi làm du lịch, không thường xuyên ở nhà, quá trình giải quyết vụ án không trình bày quan điểm của mình mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu M, cần giao cháu M cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành - đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng 6.000.000 đồng. Anh Đ không trình bày quan điểm về mức cấp dưỡng nên không xác định được mức thu nhập của anh Đ. Do đó, HĐXX căn cứ mức lương tối thiểu vùng nơi anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu về cấp dưỡng của chị L, buộc anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M hàng tháng cùng chị L, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2024 đến khi cháu M trưởng thành – đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014 và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị L, anh Đ đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn - chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Chị L có mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Khoản 2 Điều 482 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Thùy L.

1.1. Xử cho chị Đinh Thị Thùy L ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

1.2. Giao cháu Nguyễn Gia M, sinh ngày 03/9/2020 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu M trưởng thành - đủ 18 tuổi. Buộc anh Nguyễn Văn Đ hàng tháng phải cấp dưỡng nuôi cháu M cùng chị L, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2024 đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Đinh Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số 0002309 ngày 29/02/2024, chị L đã nộp đủ án phí. Anh Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc

Nơi nhận:
- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (số GCNKH 18 năm 2020);
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Công bố trên CTTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ, VP.